

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy định pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3698/TTr-SNV ngày 01 tháng 12 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 2564/BC-STP ngày 28 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận gồm 04 Chương; 20 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2022 và thay thế Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Hỗ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông tỉnh;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT. ĐNĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 72 /2022/QĐ-UBND)

ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố, được áp dụng thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Thôn, khu phố

1. Quy định thống nhất tên gọi thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: dưới xã gọi là thôn; dưới phường, thị trấn gọi là khu phố.

2. Thôn, khu phố không phải là một cấp hành chính mà là một tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, khu phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, khu phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, khu phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới thì ghép vào thôn, khu phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, KHU PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, khu phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi khu phố có Trưởng khu phố. Trường hợp cần thiết thì có 01 Phó Trưởng thôn, 01 Phó Trưởng khu phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố do Trưởng thôn, Trưởng khu phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, khu phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động và hội nghị của thôn, khu phố

1. Những nội dung hoạt động của thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Những nội dung hội nghị của thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 6. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới

Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 7. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên, phân loại thôn, khu phố

1. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Việc phân loại thôn, khu phố được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới tại Điều 6 Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, khu phố mới;
- b) Tên gọi của thôn mới, khu phố mới;
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, khu phố mới;
- d) Các điều kiện khác được quy định tại Điều 6 Quy chế này;

đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới về Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

a) Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã, trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có tờ trình (kèm theo hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này);

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, khu phố mới.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, khu phố

Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này thì sau khi có Quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có;
- b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, khu phố sau khi ghép;
- c) Đề xuất, Kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư thôn, khu phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

a) Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã, trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố (kèm theo biên bản lấy ý kiến cử tri) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TRƯỞNG KHU PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG KHU PHỐ

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Trưởng khu phố được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn do Trưởng thôn, Trưởng khu phố phân công.

Điều 12. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

Những tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 13. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chương 2 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

2. Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố có nhiệm kỳ là 2,5 năm (hai năm rưỡi).

3. Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, khu phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Điều 14. Bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố tại hội nghị thôn, khu phố

1. Quy trình bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố tại hội nghị thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-

UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Báo cáo xin ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện để thống nhất trước khi thực hiện bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố tại hội nghị thôn, khu phố.

b) Phối hợp với các ngành chức năng chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 15. Bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố tổ chức thành cuộc bầu cử riêng

1. Công tác chuẩn bị:

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, khu phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, khu phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1 - 2 người).

c) Chậm nhất là 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, khu phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, khu phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, khu phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

2. Toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ tham gia bầu trực tiếp Trưởng thôn, Trưởng khu phố theo hình thức bỏ phiếu kín.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các ngành chức năng chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Tổ bầu cử:

a) Thành lập Tổ bầu cử: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập.

Tổ bầu cử không quá 07 thành viên do Trưởng Ban công tác mặt trận làm tổ trưởng. Các thành viên khác đại diện của tổ chức Đảng và một số đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân và Cựu chiến binh của thôn, khu phố.

b) Nhiệm vụ của Tổ bầu cử:

- Lập và niêm yết danh sách cử tri tham gia bầu cử, danh sách ứng cử viên chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức bầu cử;
- Nhận tài liệu và phiếu bầu (có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định) từ Ủy ban nhân dân cấp xã để phát cho cử tri trong ngày bầu cử; chuẩn bị hòm phiếu;
- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, danh sách ứng cử viên, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 05 ngày trước ngày bầu cử;
- Bố trí, trang trí phòng bỏ phiếu;
- Tổ chức ngày bầu cử theo đúng nội quy của phòng bỏ phiếu;
- Xét giải quyết những khiếu nại về bầu cử;
- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử;
- Báo cáo kết quả bầu cử, chuyển giao biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan đến việc bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lên Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

Tổ bầu cử hết nhiệm vụ khi đã công bố kết quả bầu cử cho Nhân dân biết và trình đầy đủ các thủ tục liên quan đến công tác bầu cử lên Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:

a) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.

b) Trước khi mở hòm phiếu tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu còn lại không sử dụng và mời 02 cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó để chứng kiến việc kiểm phiếu.

c) Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố kết quả bầu cử cho mỗi người ứng cử và người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người có số phiếu bầu hợp lệ cao nhất và đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, khu phố.

5. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, khu phố thì tiến hành bầu cử lại.

a) Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

b) Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng

thôn, Trưởng khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới.

c) Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Trưởng khu phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Kinh phí bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố do ngân sách cấp xã cấp theo quy định.

Điều 16. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố.

2. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế theo quy định pháp luật - nếu có).

a) Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

b) Chế độ, chính sách đối với Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

3. Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, xử lý hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Thẩm định việc thành lập thôn mới, khu phố mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh việc thành lập thôn mới, khu phố mới.
2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định kết quả phân loại thôn, khu phố để chính quyền cấp xã thống nhất thực hiện.
3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Quy chế này.
4. Hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về quá trình thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 18. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua.
2. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 19. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Trưởng khu phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định tại Quy chế này và các văn bản có liên quan.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi bổ sung, đề nghị quý cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (thông qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét quyết định./.